



ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

**CÁC QUỸ HỮU TRÍ TRONG CHƯƠNG TRÌNH
HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN
ĐƯỢC CUNG CẤP BỞI CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL
VIỆT NAM (DCVFM)**

MỤC LỤC

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
2. CÁC ĐỊNH NGHĨA	6
CHƯƠNG I	9
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	9
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ	9
Điều 2. Mục đích của Quỹ	9
Điều 3. Thời hạn hoạt động của Quỹ.....	9
Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động	9
Điều 5. Đại diện quản lý các quỹ hưu trí thuộc Chương trình hưu trí	9
Điều 7. Ngân hàng giám sát	10
CHƯƠNG II	10
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	10
Điều 8. Mục tiêu đầu tư.....	10
Điều 10. Hạn chế đầu tư.....	11
Điều 11. Hạn mức vay	11
CHƯƠNG III	11
NGƯỜI THAM GIA QUỸ, SỔ ĐĂNG KÝ NGƯỜI THAM GIA QUỸ VÀ GIAO DỊCH CỦA QUỸ HƯU TRÍ.....	11
Điều 12. Người tham gia quỹ.....	11
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Người tham gia quỹ	11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động.....	12
Điều 15. Sổ đăng ký người tham gia quỹ	13
Điều 16. Giao dịch của Quỹ hưu trí	13
Điều 17. Tạm dừng giao dịch của quỹ hưu trí	15
Điều 18. Giá dịch vụ tham gia đóng góp, giá dịch vụ nhận chi trả	16
CHƯƠNG IV	16
LẤY Ý KIẾN NGƯỜI THAM GIA QUỸ.....	16
Điều 19. Lấy ý kiến người tham gia quỹ	16
Điều 20. Các trường hợp lấy ý kiến người tham gia quỹ	16
Điều 21. Điều kiện, thể thức lấy ý kiến người tham gia quỹ.....	16
Điều 22. Quyết định của người tham gia quỹ	17
CHƯƠNG V	17
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	17
Điều 23. Ban đại diện Quỹ	17
Điều 24. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ	18
Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ.....	18
Điều 26. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.....	18
Điều 27. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ	19
Điều 28. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ	19
Điều 29. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ	19
CHƯƠNG VI	20

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	20
Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ	20
Điều 31. Các trường hợp đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ.....	20
Điều 32. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ.....	21
CHƯƠNG VII	21
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, TỔ CHỨC LƯU KÝ	21
Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát.....	21
Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi ngân hàng giám sát	22
Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát.....	22
Điều 36. Quyền, nghĩa vụ của Tổ chức lưu ký	22
Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn.....	22
Điều 38. Chấm dứt hoạt động	22
CHƯƠNG VIII.....	23
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN	23
Điều 39. Các hoạt động được ủy quyền.....	23
Điều 40. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	23
Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	23
Điều 42. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	24
Điều 43. Chấm dứt hoạt động ủy quyền.....	24
CHƯƠNG IX.....	25
ĐẠI LÝ HƯU TRÍ	25
Điều 44. Điều kiện lựa chọn Đại lý hưu trí.....	25
Điều 45. Hoạt động của đại lý hưu trí	25
CHƯƠNG X.....	25
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	25
Điều 46. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán	25
Điều 47. Năm tài chính	25
Điều 48. Chế độ kế toán	26
Điều 49. Báo cáo tài chính.....	26
Điều 50. Báo cáo khác.....	26
CHƯƠNG XI.....	26
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ.....	26
Điều 51. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	26
Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.....	26
CHƯƠNG XII.....	28
THU NHẬP VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	28
Điều 53. Thu nhập của quỹ.....	28
Điều 54. Phân phối lợi nhuận	28
CHƯƠNG XIII.....	28
GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG.....	28
Điều 55. Các loại phí, giá dịch vụ do người tham gia quỹ trả.....	28
Điều 56. Các loại phí, giá dịch vụ do Quỹ trả	29

Điều 57. Chi phí hoạt động của quỹ	31
Điều 58. Nguyên tắc phân bổ chi phí hoạt động của quỹ hưu trí cho từng tài khoản hưu trí cá nhân	32
CHƯƠNG XIV.....	32
TÁI CƠ CẤU QUỸ.....	32
Điều 59. Các điều kiện giải thể Quỹ	32
CHƯƠNG XV.....	32
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	32
Điều 60. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và công ty quản lý quỹ.....	32
CHƯƠNG XVI.....	33
QUY CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.....	33
Điều 61. Quy chế giải quyết tranh chấp.....	33
CHƯƠNG XVII.....	33
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	33
Điều 62. Công bố thông tin	33
Điều 63. Thay đổi điều lệ	33
Điều 64. Đăng ký điều lệ.....	33
Điều 65. Điều khoản thi hành	33

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ hưu trí và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Bảo hiểm xã hội do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016;
- Luật đầu tư do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Luật Doanh nghiệp do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Luật số 62/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2011;
- Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện;
- Thông tư số 86/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện;
- Thông tư 19/2018/TT-BLĐTBXH hướng dẫn xây dựng văn bản thỏa thuận tham gia chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện tại doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;
- Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định 213/QĐ-VSD năm 2019 quy định về tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân cho Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- Nghị định 151/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

<p>“Quỹ hưu trí”</p>	<p>Bao gồm Quỹ Thịnh An, Quỹ Phúc An, Quỹ Vĩnh An, là các quỹ tài chính thuộc chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện do DCVFM cung cấp, để thực hiện chương trình hưu trí, được hình thành từ sự đóng góp của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động, được thành lập theo Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện và các văn bản pháp luật có liên quan.</p>
<p>“Chương trình hưu trí”</p>	<p>Là chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện do Công ty DCVFM cung cấp và quản lý (tên giao dịch tiếng Việt là Dragon Capital Hưu Trí An Vui, tên giao dịch tiếng Anh là Dragon Capital Pensions), là chính sách bảo hiểm xã hội mang tính chất tự nguyện nhằm mục tiêu bổ sung thu nhập cho người tham gia quỹ khi đến tuổi về hưu dưới hình thức tài khoản hưu trí cá nhân, được đầu tư và tích lũy theo quy định của pháp luật. Chương trình hưu trí này chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.</p>
<p>“Hợp đồng tham gia chương trình hưu trí”</p>	<p>Là hợp đồng ký giữa người tham gia quỹ hoặc người đại diện được ủy quyền và DCVFM để tham gia chương trình hưu trí của DCVFM. Hợp đồng tham gia chương trình hưu trí đồng thời là hợp đồng tham gia quỹ hưu trí do DCVFM thành lập và quản lý, và ngược lại.</p>
<p>“Văn bản thỏa thuận” hay “Thỏa thuận tham gia chương trình”</p>	<p>Là văn bản được ký kết giữa Người lao động và Người sử dụng lao động về việc tham gia Chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện do Công ty DCVFM cung cấp và quy định các điều kiện riêng được thỏa thuận giữa Người lao động và Người sử dụng lao động.</p>
<p>“Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)”</p>	<p>(Sau đây gọi tắt là “Công ty quản lý quỹ DCVFM”, “công ty DCVFM”, “DCVFM”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, và được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 01/GCN-QLQHTBSTN ngày 15/05/2019 bởi Bộ Tài Chính. Công ty quản lý quỹ DCVFM thành lập và quản lý các quỹ hưu trí thuộc Chương trình hưu trí, có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này.</p>
<p>“Ngân hàng giám sát & lưu ký”</p>	<p>Là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (Sau đây gọi tắt là ngân hàng Standard Chartered) Là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07/5/2015, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát & lưu ký được quy định Điều lệ Quỹ.</p>
<p>“Công ty kiểm toán”</p>	<p>(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán) Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ hưu trí, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ hưu trí. Công ty kiểm toán do Công ty quản lý quỹ lựa chọn trong các Công ty kiểm toán được quy định chi tiết tại Chương trình hưu trí.</p>
<p>“Điều lệ quỹ hưu trí”</p>	<p>Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). Điều lệ quỹ được xây dựng phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.</p>

“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc cung cấp và quản lý quỹ hưu trí và chương trình hưu trí.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ DCVFM và ngân hàng giám sát của Quỹ hưu trí.
“Người tham gia quỹ” hoặc “Người tham gia chương trình”	Là người lao động, cá nhân. Người lao động theo quy định của Bộ luật lao động hoặc cá nhân đủ 15 tuổi trở lên, không làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động, có tài khoản hưu trí cá nhân tại quỹ hưu trí. Người tham gia quỹ có thể tham gia trực tiếp vào chương trình hưu trí hoặc thông qua người sử dụng lao động.
“Lấy ý kiến người tham gia quỹ”	Là việc tổ chức lấy ý kiến của người tham gia quỹ để thông qua các vấn đề được quy định tại Điều lệ này.
“Ban đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho người tham gia quỹ thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ hưu trí, Công ty quản lý quỹ DCVFM và Ngân hàng giám sát.
“Đơn vị Quỹ hưu trí” hoặc “Đơn vị quỹ”	Là tổng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng mệnh giá của các đơn vị quỹ. Mệnh giá của một đơn vị quỹ là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ. Do Công ty DCVFM đại diện cho Quỹ hưu trí phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Người tham gia quỹ đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ hưu trí theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của Người tham gia quỹ đó đang sở hữu.
“Số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết”	Là số đơn vị quỹ tham gia biểu quyết tại kỳ biểu quyết.
“Tài khoản hưu trí cá nhân”	(Sau đây gọi là Tài khoản hưu trí) Là tài khoản được cấp cho người tham gia quỹ, được quản lý bởi các doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền theo quy định pháp luật.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ này.
“Năm tài chính”	Là 12 (mười hai) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ hưu trí sẽ được tính từ ngày Quỹ hưu trí được phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
“Giá trị tài sản ròng của Quỹ”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ hưu trí sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ hưu trí tại thời điểm định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ DCVFM xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ hưu trí.
“Ngày giao dịch của Quỹ hưu trí”	(Sau đây gọi tắt là Ngày giao dịch) Là ngày mà Công ty quản lý quỹ DCVFM thực hiện lệnh đóng góp quỹ hưu trí hoặc các lệnh yêu cầu nhận chi trả hưu trí từ người tham gia quỹ trước thời điểm nhận lệnh cuối cùng. Ngày giao dịch (ngày T) được thực hiện 02 (hai) lần trong 01 (một) tháng, vào ngày thứ Tư thứ hai và thứ tư của tháng, là ngày làm việc.

	<p>Trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày Lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quý.</p>
<p>“Thời điểm đóng sổ lệnh”</p>	<p>Là thời điểm cuối cùng mà công ty quản lý quỹ hoặc các tổ chức được ủy quyền nhận lệnh giao dịch từ người tham gia quỹ để thực hiện trong ngày giao dịch quỹ hưu trí.</p> <p>Công ty quản lý Quỹ sẽ thông báo đến người tham gia quỹ, Đại lý hưu trí và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các dịp Lễ xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.</p>
<p>“Dịch vụ quản trị quỹ hưu trí”</p>	<p>Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quý: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị đơn vị quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ;
<p>“Dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân”</p>	<p>Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Hạch toán thu chi toàn bộ hoạt động của tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm đóng góp, phân bổ kết quả đầu tư, chi phí hoạt động quỹ hưu trí; chi trả hưu trí; b) Xây dựng và cập nhật quy trình, phương pháp phân bổ kết quả đầu tư và chi phí hoạt động quỹ hưu trí; xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân; c) Xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân hàng tháng; d) Lập và gửi người tham gia quỹ báo cáo giá trị tài khoản hưu trí cá nhân hàng tháng theo quy định pháp luật có liên quan.
<p>Đại lý hưu trí</p>	<p>Là ngân hàng, đại lý bảo hiểm, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí ủy quyền thực hiện các hoạt động sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Giới thiệu về quỹ hưu trí; b) Ký hợp đồng tham gia quỹ hưu trí với người tham gia quỹ và người sử dụng lao động.
<p>“Người có liên quan”</p>	<p>Theo quy định trong Luật Chứng khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành.</p>
<p>“Các định nghĩa khác”</p>	<p>Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan</p>

Chương I
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên Quỹ hưu trí:	QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN THỊNH AN	QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN PHÚC AN	QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN VĨNH AN
Tên tiếng Anh:	THINH AN VOLUNTARY SUPPLEMENTAL PENSION FUND	PHUC AN VOLUNTARY SUPPLEMENTAL PENSION FUND	VINH AN VOLUNTARY SUPPLEMENTAL PENSION FUND
Tên viết tắt:	Quỹ THỊNH AN	Quỹ PHÚC AN	Quỹ VĨNH AN
Địa chỉ liên hệ:	Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM		
Điện thoại:	+84 -283825 1488		
Fax:	+84- 283825 1489		
Website:	www.dcvfm.com.vn		

Điều 2. Mục đích của Quỹ

Quỹ hưu trí được thành lập chỉ phục vụ cho Chương trình hưu trí do DCVFM cung cấp và quản lý, là một phần không tách rời của Chương trình hưu trí. Tiền đóng góp vào Chương trình hưu trí do DCVFM cung cấp và quản lý được dùng để đóng góp vào các quỹ hưu trí thuộc chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện do DCVFM cung cấp. Tài sản của quỹ dùng cho mục đích chi trả cho người tham gia quỹ khi đáp ứng các điều kiện quy định của Chương trình hưu trí và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Quỹ hưu trí là quỹ tài chính để thực hiện chương trình hưu trí của Công ty DCVFM, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan và các quy định trong bản Điều lệ này.
2. Quỹ áp dụng các quy định pháp luật của quỹ mở về các nội dung liên quan đến xác định giá trị tài sản ròng, chế độ kế toán liên quan đến phân loại, ghi nhận, hạch toán.
3. Ban đại diện Quỹ hưu trí do công ty quản lý quỹ mời, đại diện người tham gia quỹ để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ hưu trí, Công ty quản lý quỹ DCVFM và Ngân hàng giám sát.

Điều 5. Đại diện quản lý các quỹ hưu trí thuộc Chương trình hưu trí

Công ty quản lý quỹ DCVFM là đại diện duy nhất quản lý các quỹ hưu trí trong chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện được cung cấp bởi Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM).

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ DCVFM là một Công ty Cổ phần với cổ đông sáng lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 01/GCN-QLQHTBSTN ngày 15/05/2019 bởi Bộ Tài Chính. Công ty quản lý quỹ DCVFM là Công ty quản lý quỹ chính thức của Quỹ hưu trí. Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan (nếu có).

Công ty quản lý quỹ DCVFM có trụ sở chính tại:

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam.

Điện thoại: (84-28)- 3823 9355 Fax: (84-28)- 3823 9366

Website: www.dcvfm.com.vn

Và chi nhánh tại:

Phòng 903, Tầng 9, Tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) là là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 37/UBCK-GCN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/12/2008, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ này

Văn phòng chính: P1810 đến P1815, tầng 18, tòa tháp Keangnam Hanoi Landmark, Lô E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam (Ngân Hàng)

Điện thoại: (84-4) 3936 8000, Fax: (84-4) 3936 8300.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Tên Quỹ hưu trí:	QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN VĨNH AN	QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN PHÚC AN	QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN THỊNH AN
Mục tiêu đầu tư	Đạt được mục tiêu bảo toàn số tiền đóng góp của Người tham gia quỹ trước việc mất giá do lạm phát và đem lại mức gia tăng đối với số tiền đóng góp ở mức độ hợp lý với mức độ chấp nhận rủi ro của Người tham gia quỹ.	Đạt được mục tiêu cân bằng giữa việc gia tăng tài sản cho mục đích hưu trí đồng thời đảm bảo an toàn cho tài sản tích lũy.	Đạt được mục tiêu đem lại mức gia tăng đối với số tiền đóng góp ở mức độ hợp lý với mức độ chấp nhận rủi ro của Người tham gia quỹ nhằm tích lũy tài sản nghỉ hưu cho Người tham gia quỹ.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Các tài sản được phép đầu tư:

Quỹ hưu trí sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại đáp ứng đủ điều kiện quy định về chiến lược đầu tư của quỹ tại điều lệ này;
- b) Trái phiếu Chính phủ; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu chính quyền địa phương;
- c) Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán theo điều kiện quy định về chiến lược đầu tư của quỹ tại điều lệ này.

2. Cơ cấu đầu tư:

Tên Quỹ hưu trí:	QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN VĨNH AN	QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN PHÚC AN	QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN THỊNH AN
Cơ cấu đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tối thiểu 80% tổng tài sản vào TPCP hoặc CCQ của Quỹ đầu tư trái phiếu, trong đó có tối thiểu 50% tổng tài sản vào TPCP. ▪ Tối đa 20% tổng tài sản vào CCQ của quỹ đầu tư chứng khoán không phải là quỹ đầu tư trái phiếu. ▪ Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng được duy trì phù hợp cho hoạt động đầu tư của quỹ. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tối thiểu 65% tổng tài sản vào TPCP hoặc CCQ của Quỹ đầu tư trái phiếu, trong đó có tối thiểu 50% tổng tài sản vào TPCP. ▪ Tối đa 35% tổng tài sản vào CCQ của quỹ đầu tư chứng khoán không phải là quỹ đầu tư trái phiếu. ▪ Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng được duy trì phù hợp cho hoạt động đầu tư của quỹ. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tối thiểu 50% tổng tài sản vào TPCP. ▪ Tối đa 50% tổng tài sản vào CCQ của quỹ đầu tư chứng khoán. ▪ Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng được duy trì phù hợp cho hoạt động đầu tư của quỹ.

3. Thay đổi chiến lược đầu tư

Công ty DCVFM sẽ thông báo về việc thay đổi chiến lược đầu tư nếu có phát sinh trên trang thông tin điện tử của quỹ và hộp thư điện tử của người tham gia quỹ. Công ty quản lý quỹ lấy ý kiến của người tham gia quỹ để thông qua chiến lược đầu tư sửa đổi (nếu có).

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Danh mục đầu tư của Quỹ hưu trí phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định rõ tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ hưu trí phải đảm bảo:
 - a) Tỷ trọng giá trị đầu tư trái phiếu Chính phủ (bao gồm cả khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ thông qua chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán) tối thiểu bằng 50% trong tổng giá trị tài sản quỹ hưu trí.
 - b) Quỹ hưu trí không được gửi tiền tại người có liên quan với công ty quản lý quỹ hưu trí theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp.
 - c) Đầu tư không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ của một quỹ đầu tư chứng khoán.
3. Cơ cấu đầu tư của quỹ chỉ được phép sai lệch với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Điều 9 và khoản 2 điểm a và c Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
 - a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
 - c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
 - e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
4. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 3 Điều này, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại Điều 9 và khoản 2 Điều này.
5. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

Điều 11. Hạn mức vay

1. Công ty quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại Điều lệ này.
2. Công ty quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng tài sản của Quỹ hưu trí để ký quỹ thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
3. Quỹ hưu trí được thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

Chương III

NGƯỜI THAM GIA QUỸ, SỔ ĐĂNG KÝ NGƯỜI THAM GIA QUỸ VÀ GIAO DỊCH CỦA QUỸ HƯU TRÍ

Điều 12. Người tham gia quỹ

1. Người tham gia quỹ là người lao động, cá nhân Người lao động theo quy định của Bộ luật lao động hoặc cá nhân đủ 15 tuổi trở lên, không làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động, có tài khoản hưu trí cá nhân tại quỹ hưu trí.
2. Người tham gia quỹ của Quỹ hưu trí sở hữu đơn vị Quỹ hưu trí. Người tham gia quỹ không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số đơn vị Quỹ hưu trí mà họ sở hữu.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Người tham gia quỹ

1. Người tham gia quỹ có quyền:

- a) Được tham gia và hưởng toàn bộ quyền lợi từ chương trình hưu trí theo quy định pháp luật;
 - b) Quyết định mức và thời điểm đóng góp, điều chỉnh tăng, giảm, ngừng hoặc tạm ngừng đóng góp theo quy định tại hợp đồng tham gia chương trình hưu trí;
 - c) Lựa chọn, thay đổi giữa các quỹ hưu trí được quản lý bởi cùng 01 doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí đối với người lao động tham gia chương trình hưu trí thông qua người sử dụng lao động hoặc đối với người lao động trực tiếp tham gia chương trình hưu trí;
 - d) Lựa chọn, thay đổi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí đối với người lao động tham gia chương trình hưu trí thông qua người sử dụng lao động hoặc đối với người lao động trực tiếp tham gia chương trình hưu trí;
 - e) Được cấp tài khoản hưu trí cá nhân, được quyền truy cập thông tin về tài khoản hưu trí cá nhân của mình; được chuyển tài khoản hưu trí cá nhân sang doanh nghiệp quản lý quỹ khác khi thay đổi doanh nghiệp quản lý quỹ;
 - f) Nhận chi trả từ tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định pháp luật;
 - g) Được bảo mật thông tin hưu trí cá nhân, thông tin về tài khoản hưu trí cá nhân;
 - h) Được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập cá nhân đối với khoản đóng góp vào quỹ hưu trí theo mức quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân nếu đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc bảo hiểm xã hội tự nguyện (bao gồm cả trường hợp đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội) theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội;
 - i) Được chuyển từ hình thức tham gia trực tiếp chương trình hưu trí sang hình thức tham gia thông qua người sử dụng lao động hoặc ngược lại;
 - j) Các quyền khác theo Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.
2. Người tham gia quỹ có nghĩa vụ:
- a) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều lệ quỹ và hợp đồng tham gia chương trình hưu trí;
 - b) Thực hiện các nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật. Trước khi thanh toán tiền cho người tham gia quỹ, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế;
 - c) Người tham gia quỹ tham gia chương trình hưu trí thông qua người sử dụng lao động mặc định ủy quyền cho người sử dụng lao động để ký kết Hợp đồng tham gia chương trình hưu trí, đồng ý các nội dung của Điều lệ, bản cáo bạch của quỹ và các vấn đề được biểu quyết tại các lần lấy ý kiến người tham gia quỹ.
 - d) Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

1. Quyền của người sử dụng lao động tham gia chương trình hưu trí:
 - a) Được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản đóng góp của người sử dụng lao động vào quỹ hưu trí cho người lao động theo quy định của pháp luật về thuế;
 - b) Quyết định mức và thời điểm đóng góp, điều chỉnh tăng, giảm, ngừng hoặc tạm ngừng đóng góp theo quy định tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí và hợp đồng tham gia chương trình hưu trí;
 - c) Lựa chọn, thay đổi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo điều khoản quy định tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí;
 - d) Được nhận lại phần đóng góp của mình cho người lao động và kết quả đầu tư từ phần đóng góp này sau khi trừ đi các chi phí liên quan trong trường hợp người lao động không đáp ứng các điều kiện tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí theo quy định pháp luật.
2. Trách nhiệm của người sử dụng lao động tham gia chương trình hưu trí:
 - a) Đóng góp vào quỹ hưu trí phần trách nhiệm đóng góp của mình theo đúng quy định tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí và hợp đồng tham gia chương trình hưu trí;
 - b) Đóng góp vào quỹ hưu trí phần người lao động ủy thác cho người sử dụng lao động đóng hộ theo thời hạn quy định tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí và hợp đồng tham gia chương trình hưu trí (nếu có);

- c) Đảm bảo tách biệt phần trách nhiệm đóng góp của người sử dụng lao động và phần người lao động ủy thác cho người sử dụng lao động đóng hộ (nếu có);
- d) Thực hiện quy trình thay đổi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo các điều khoản tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí;
- e) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí, điều lệ quỹ và hợp đồng tham gia chương trình hưu trí theo quy định pháp luật.

Điều 15. Sổ đăng ký người tham gia quỹ

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời sổ đăng ký Người tham gia quỹ và sở hữu đơn vị Quỹ hưu trí. Sổ đăng ký Người tham gia quỹ của Quỹ hưu trí có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

Sổ đăng ký Người tham gia quỹ phải có các nội dung sau:

- a) Tên Quỹ hưu trí;
- b) Thời gian hoạt động của Quỹ hưu trí;
- c) Tên, số giấy phép, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;
- d) Thông tin Người tham gia quỹ:
 - i. Đối với Người tham gia quỹ là Cá nhân/Người lao động: Họ và tên Người tham gia quỹ, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân còn hiệu lực, mã số giao dịch chứng khoán (đối với Người tham gia quỹ không mang quốc tịch Việt Nam), địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email;
 - ii. Đối với Người sử dụng lao động: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; thông tin Người đại diện pháp luật và người được ủy quyền (nếu có) gồm họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu (đối với người không mang quốc tịch Việt Nam) còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email.
- e) Số tài khoản hưu trí cá nhân; Mã định danh doanh nghiệp của Người sử dụng lao động; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Người tham gia quỹ không mang quốc tịch Việt Nam);
- f) Số lượng và tỷ lệ sở hữu đơn vị quỹ, ngày đăng ký sở hữu đơn vị quỹ (vào Sổ chính) của Cá nhân/Người lao động và Người sử dụng lao động;
- g) Ngày lập Sổ đăng ký Người tham gia quỹ.

2. Công ty quản lý Quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Người tham gia quỹ. Thông tin về tài sản của Người tham gia quỹ trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ của Người tham gia quỹ. Quyền sở hữu của Người tham gia quỹ được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Người tham gia quỹ được cập nhật tại Sổ chính.

3. Sổ đăng ký Người tham gia quỹ được lưu trữ tại trụ sở Tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân và Công ty quản lý Quỹ.

Điều 16. Giao dịch của Quỹ hưu trí

1. Công ty quản lý Quỹ hưu trí phải tổ chức giao dịch cho người tham gia Quỹ. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ. Lần giao dịch đầu tiên của Quỹ hưu trí được tổ chức không chậm hơn chín mươi (90) ngày kể từ ngày Quỹ được chính thức thành lập và hoạt động.
2. Tần suất giao dịch của Quỹ hưu trí là hai lần trong một tháng, vào ngày thứ Tư thứ hai và thứ tư của tháng, là ngày làm việc. Trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền sau ngày giao dịch bị rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ. Công ty quản lý quỹ hưu trí sẽ thông báo đến Người tham gia quỹ, Đại lý hưu trí và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các ngày nghỉ Lễ xảy ra trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ hưu trí hoặc bằng thư điện tử.

Tần suất giao dịch của Quỹ luôn đảm bảo không được ít hơn một (01) lần trong một (01) tháng. Thời điểm áp dụng cụ thể cho việc tăng/giảm tần suất giao dịch của Quỹ (nhưng vẫn luôn đảm bảo không được ít hơn một (01) lần trong một (01) tháng) sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo đến người tham gia quỹ, đại lý hưu trí

và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách cụ thể trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ hưu trí hoặc bằng thư điện tử.

3. Đóng góp vào Chương trình Hưu trí:

Người tham gia Quỹ nộp tiền vào Chương trình Hưu Trí theo đúng số tài khoản của Quỹ mà người tham gia Quỹ đã lựa chọn căn cứ trên hợp đồng tham gia Chương trình Hưu Trí đã ký với Công ty Quản lý Quỹ.

Nếu người tham gia quỹ đóng góp thông qua người sử dụng lao động thì người sử dụng lao động thực hiện chuyển tiền đóng góp vào Quỹ, bao gồm số tiền trách nhiệm đóng góp của người sử dụng lao động và số tiền người lao động ủy thác cho người sử dụng lao động đóng hộ (nếu có). Nếu người tham gia quỹ đóng góp trực tiếp vào Quỹ thì cá nhân tham gia thực hiện chuyển tiền đóng góp của mình vào Quỹ theo các điều khoản tại hợp đồng tham gia Chương trình Hưu Trí.

Hình thức thanh toán: chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Lưu ký bằng tiền Việt Nam Đồng.

4. Giao dịch đóng góp vào quỹ hưu trí:

- Số lượng đơn vị quỹ được phân phối tại ngày giao dịch vào tài khoản hưu trí cá nhân được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng ĐVQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đóng góp định kỳ vào quỹ} \times (1 - \text{Giá dịch vụ tham gia đóng góp vào Quỹ (\%)})}{\text{NAV của đơn vị quỹ tại ngày giao dịch}}$$

- Số lượng đơn vị quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Số tiền đóng góp được chuyển vào quỹ định kỳ đồng thời là lệnh đóng góp vào quỹ hưu trí.
- Quy trình đóng góp và cách thức giải quyết đối với các trường hợp mà số tiền đóng góp được định kỳ chuyển ít hoặc nhiều hơn số tiền đóng góp thỏa thuận trong Hợp đồng tham gia chương trình hưu trí được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.

5. Chi trả từ Quỹ Hưu Trí

a) Nguyên tắc chi trả từ Quỹ Hưu Trí

- Đối tượng được nhận chi trả từ Quỹ tương ứng với số dư tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm:
 - + Người tham gia Quỹ
 - + Người sử dụng lao động đóng góp cho người lao động
- Số tiền chi trả từ Quỹ phụ thuộc vào giá trị tài khoản hưu trí cá nhân và kế hoạch chi trả quy định tại hợp đồng tham gia quỹ hưu trí và văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc tham gia quỹ hưu trí.
- Trong quá trình chi trả, tài khoản hưu trí cá nhân có thể được tiếp tục đầu tư tại quỹ hưu trí theo lựa chọn của người tham gia quỹ.
- Người tham gia quỹ nhận chi trả từ Quỹ tương ứng số dư tài khoản hưu trí cá nhân được lựa chọn nhận chi trả theo chế độ hàng tháng hoặc một lần. Nhà nước khuyến khích chi trả theo chế độ hàng tháng (lương hưu) thông qua chính sách thuế quy định pháp luật.
- Trường hợp Người tham gia quỹ nhận chi trả khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định pháp luật: Thời gian nhận chi trả hàng tháng khi người tham gia quỹ đến tuổi nghỉ hưu tối thiểu là 10 năm. Mức chi trả hàng tháng khi đến tuổi về hưu do đối tượng nhận chi trả lựa chọn nhưng tối đa không vượt quá tổng giá trị tài khoản hưu trí cá nhân ở thời điểm nghỉ hưu chia cho 120 tháng. Sau 10 năm, người tham gia quỹ có thể nhận chi trả một lần.
- Trường hợp mức chi trả hàng tháng được xác định theo quy định thấp hơn mức lương cơ sở theo quy định hiện hành thì mức chi trả hàng tháng tối đa không vượt quá mức lương cơ sở cho đến khi tất toán tài khoản hưu trí cá nhân.

b) Chi trả cho người tham gia Quỹ

- Khi người tham gia Quỹ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định, có thể đăng ký kế hoạch nhận chi trả từ tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại hợp đồng tham gia Quỹ Hưu Trí và văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc tham gia quỹ hưu trí.
- Khi người lao động không đáp ứng các điều kiện tại văn bản thỏa thuận đã ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí, người sử dụng lao động được nhận lại phần đóng góp của mình cho người lao động và kết quả đầu tư từ phần đóng góp này sau khi trừ đi chi phí hoạt động của Quỹ Hưu Trí.
- Chương trình hưu trí được thực hiện thông qua Quỹ hưu trí nhằm mục đích bổ sung thu nhập cho người tham gia quỹ khi đến tuổi về hưu. Số dư tài khoản hưu trí không được sử dụng để chuyển nhượng (cho, biếu, tặng), cầm cố.
- Việc chi trả được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản của quỹ đến tài khoản của người tham gia Quỹ bằng tiền Việt Nam Đồng. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch này do người tham gia Quỹ chịu.
- Số tiền chi trả cho người tham gia Quỹ được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị chi trả} = \frac{\text{Số lượng ĐVQ đăng ký chi trả} \times \text{NAV của đơn vị quỹ tại ngày giao dịch} \times (1 - \text{Giá dịch vụ nhận chi trả}(\%))$$

- Quy trình chi trả cho người tham gia Quỹ được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch của Quỹ.

c) Chuyển đổi quỹ

- Người tham gia Quỹ có thể thực hiện chuyển đổi đơn vị quỹ giữa các Quỹ hưu trí tại cùng một Công ty quản lý Quỹ có từ hai (02) Quỹ Hưu Trí trở lên hoặc thực hiện chuyển đổi tài khoản hưu trí cá nhân sang doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí khác.
- Quy trình chuyển đổi quỹ cho người tham gia Quỹ được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch của Quỹ.

6. Công ty Quản lý Quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến các thủ tục cho việc chuyển đổi Quỹ và thông tin cụ thể đến Người tham gia Quỹ thông qua trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý Quỹ.

7. Thừa kế

- Việc thừa kế đơn vị quỹ hưu trí phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản cá nhân sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký người tham gia quỹ sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế cho công ty quản lý quỹ hoặc các tổ chức được ủy quyền.
- Người tham gia quỹ/ người nhận thừa kế có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc thừa kế theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Tạm dừng giao dịch của quỹ hưu trí

1. Quỹ hưu trí có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc thanh toán hưu trí do nguyên nhân bất khả kháng;
- Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ vào ngày định giá do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
- Các sự kiện khác mà cơ quan quản lý nhà nước xét thấy là cần thiết.

2. Công ty quản lý quỹ phải thông báo trên trang thông tin điện tử của quỹ trong thời hạn hai bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 2 Điều này và phải tiếp tục thực hiện giao dịch ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
3. Thời hạn tạm dừng giao dịch của quỹ hưu trí là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch gần nhất của quỹ.
4. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch của quỹ hưu trí theo quy định tại khoản 4 Điều này, công ty quản lý quỹ thông báo về việc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch.

Điều 18. Giá dịch vụ tham gia đóng góp, giá dịch vụ nhận chi trả

1. Giá dịch vụ tham gia đóng góp tại các kỳ giao dịch là là giá dịch vụ mà người tham gia quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi tham gia đóng góp vào quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi tham gia đóng góp và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký tham gia đóng góp).
2. Giá dịch vụ nhận chi trả là giá dịch vụ mà người tham gia quỹ phải trả cho công ty quản lý quỹ khi đăng ký nhận chi trả từ Quỹ tương ứng với số dư tài khoản hưu trí cá nhân tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch đơn vị quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho người tham gia quỹ, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.
3. Giá dịch vụ tham gia đóng góp vào Quỹ, giá dịch vụ nhận chi trả được quy định tại chương XIII của Điều lệ này.

Chương IV

LẤY Ý KIẾN NGƯỜI THAM GIA QUỸ

Điều 19. Lấy ý kiến người tham gia quỹ

1. Trong các trường hợp cần lấy ý kiến người tham gia quỹ theo quy định tại điều 20 Điều lệ này, công ty quản lý quỹ sẽ tổ chức lấy ý kiến người tham gia quỹ. Việc lấy ý kiến người tham gia quỹ có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Việc lấy ý kiến người tham gia quỹ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gửi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử. Công ty quản lý quỹ thông báo quy chế của hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có).
2. Tất cả các người tham gia quỹ có tên trong Danh sách đăng ký người tham gia quỹ trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham gia việc lấy ý kiến.
3. Chi phí lấy ý kiến người tham gia quỹ sẽ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ và do Quỹ thanh toán.

Điều 20. Các trường hợp lấy ý kiến người tham gia quỹ

1. Tăng mức giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho Công ty quản lý quỹ và giá dịch vụ giám sát trả cho ngân hàng giám sát;
2. Thay đổi chiến lược đầu tư của quỹ;
3. Quyết định thay đổi ngân hàng giám sát.

Điều 21. Điều kiện, thể thức lấy ý kiến người tham gia quỹ

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến lấy ý kiến người tham gia quỹ phải được công bố cho người tham gia quỹ trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và báo cáo Bộ Tài chính tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành lấy ý kiến.
2. Việc lấy ý kiến người tham gia quỹ dưới tất cả hình thức chỉ được tiến hành khi có số người tham gia quỹ tham gia đại diện cho ít nhất 51% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.
3. Trường hợp việc lấy ý kiến lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, việc lấy ý kiến lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày việc lấy ý kiến lần thứ nhất dự định được tổ chức. Trong trường hợp này, việc lấy ý kiến người tham gia quỹ được tiến hành không phụ thuộc vào số người tham gia quỹ tham gia.
4. Việc lấy ý kiến người tham gia quỹ sẽ do Đại diện công ty quản lý quỹ chủ trì.
5. Tất cả việc lấy ý kiến của người tham gia quỹ phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

Điều 22. Quyết định của người tham gia quỹ

1. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia việc lấy ý kiến người tham gia quỹ nhưng không được biểu quyết, trừ trường hợp công ty quản lý quỹ đồng thời là người sử dụng lao động tham gia chương trình hưu trí.
2. Việc lấy ý kiến người tham gia quỹ bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức điện tử khác.

Trong trường hợp việc lấy ý kiến người tham gia quỹ được tổ chức dưới hình thức biểu quyết tại cuộc họp, thì người tham gia quỹ có thể tham gia và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền trong trường hợp sau đây:

- Tham gia và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một người khác hoặc ủy quyền cho Ban điều hành quỹ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác.
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác
3. Quyết định của việc lấy ý kiến người tham gia quỹ dưới tất cả hình thức được thông qua khi được số người tham gia quỹ đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các người tham gia quỹ tham gia việc lấy ý kiến tán thành.
 4. Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của người tham gia quỹ tại các lần lấy ý kiến là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.
 5. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc sau khi thông qua quyết định của người tham gia quỹ hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến người tham gia quỹ bằng văn bản theo quy định tại khoản 5 Điều này, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến người tham gia quỹ bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) và Nghị quyết và gửi cho Bộ Tài chính, Ngân hàng giám sát và cung cấp cho người tham gia quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý Quỹ.
 6. Những quyết định của người tham gia quỹ tại các lần lấy ý kiến được thông qua không phù hợp với Điều này, sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Bộ Tài chính và người tham gia quỹ về việc Nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

Chương V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 23. Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ hưu trí có từ ba (03) đến bảy (07) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan) của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.
2. Trong ban đại diện quỹ phải có:
 - a) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - b) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c) Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán;
3. Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là ba (03) năm và có thể tham gia trong các nhiệm kỳ kế tiếp.
4. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban đại diện, thành viên Ban đại diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ này, hoặc trường hợp cơ cấu Ban đại diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, trong thời hạn 15 ngày sau khi có sự thay đổi, Ban đại diện Quỹ và Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho đến khi có thành viên thay thế.
- Công ty quản lý quỹ phải thực hiện báo cáo và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện theo quy định.

Điều 24. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

- Là người có am hiểu về pháp lý, hoặc kiểm toán kế toán, hoặc tài chính và thị trường vốn. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
- Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ban đại diện thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ

Thành viên Ban đại diện Quỹ có quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- Đại diện cho quyền lợi của người tham gia quỹ; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công và phân nhiệm một cách trung thực trong khuôn khổ các quy định của pháp luật hiện hành và của Điều lệ Quỹ đã được người tham gia quỹ thông qua để bảo vệ quyền lợi của người tham gia quỹ;
- Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty quản lý quỹ, thường xuyên kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cần trọng trong công tác quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ;
- Giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định pháp luật;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Điều lệ này;
- Kiến nghị thay đổi ngân hàng giám sát;
- Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển Chương trình Hưu trí An vui và các quỹ tài chính thuộc Chương trình;
- Không một thành viên Ban đại diện nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào khác được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, trong sạch, chí công, vô tư, nhân danh Quỹ, phù hợp với phạm vi và quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ Quỹ hoặc phù hợp với Quy chế Ban đại diện và tuân thủ đúng các quy định pháp luật; Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc điều lệ quỹ gây thiệt hại cho quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm;
- Tham dự các phiên họp Ban đại diện Quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;
- Thực hiện các nghị quyết của người tham gia quỹ và các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
- Có thể được Chủ tịch Ban đại diện ủy quyền quyết định một số vấn đề cụ thể trong một số lĩnh vực nhất định.
- Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
- Ban đại diện Quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Công ty quản lý quỹ quyết định và đã thông báo cho người tham gia quỹ.

Điều 26. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

- Chủ tịch Ban đại diện quỹ được Công ty quản lý quỹ mời đảm nhiệm trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.

2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
 - b) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
 - c) Ban hành Thông báo việc đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên quy định tại khoản 1 Điều 28 của Điều lệ này.

Điều 27. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho đến khi có thành viên thay thế.

Điều 28. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:
 - a) Bị khởi tố hoặc truy tố;
 - b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết; trường hợp mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định pháp luật dân sự;
 - c) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của cơ quan có thẩm quyền;
 - d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ;
2. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:
 - a) Bị cách chức hoặc bãi miễn theo đúng quy định của Điều lệ này;
 - b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
 - c) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong chín (09) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
 - d) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ.
 - e) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này.
 - f) Thực hiện hành vi trái đạo đức xã hội hoặc bị xã hội lên án, gây ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín của Quỹ hoặc công ty quản lý quỹ.

Điều 29. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện quỹ. Ban đại diện quỹ phải họp ít nhất mỗi sáu tháng một lần, và theo đề nghị của công ty quản lý quỹ, để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.
2. Ban đại diện Quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện quỹ.
3. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên, bao gồm cả người đại diện họp thay thành viên Ban đại diện tại phiên họp mà được ủy quyền biểu quyết, và cả những thành viên Ban đại diện không đến dự họp trực tiếp nhưng có gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ dự họp. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
5. Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.

6. Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực của Công ty quản lý quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban đại diện Quỹ.
7. Cuộc họp Ban đại diện quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện Quỹ.
8. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán. DCVFM có thể tài trợ một phần chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ trong giai đoạn đầu khi quy mô quỹ chưa đủ lớn. Chi tiết tài trợ chi phí được quy định tại Bản cáo bạch hoặc theo thông báo của công ty quản lý quỹ trên trang thông tin điện tử.

Chương VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:
 - a) Quyết định về số lượng quỹ hưu trí và chiến lược đầu tư quỹ hưu trí;
 - b) Ký hợp đồng quản lý quỹ hưu trí;
 - c) Lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức lưu ký, ngân hàng giám sát, công ty kiểm toán và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan;
 - d) Quyết định việc đầu tư của quỹ hưu trí theo quy định tại điều lệ quỹ và quy định pháp luật.
 - e) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
2. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:
 - a) Thành lập, đầu tư và quản lý quỹ hưu trí theo quy định pháp luật;
 - b) Xây dựng và ban hành điều lệ quỹ hưu trí đối với mỗi quỹ được thành lập;
 - c) Lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức lưu ký, ngân hàng giám sát;
 - d) Quyết định việc đầu tư của quỹ hưu trí theo quy định tại điều lệ quỹ và quy định pháp luật;
 - e) Điều chỉnh các sai lệch về cơ cấu đầu tư của quỹ so với các quy định tại khoản 2 điều 10 trong các trường hợp dưới đây trong thời hạn tối đa ba (03) tháng kể từ ngày phát sinh sai lệch:
 - Sai lệch phát sinh do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - Sai lệch phát sinh do thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
 - Sai lệch phát sinh do thực hiện lệnh giao dịch của người tham gia quỹ;
 - Sai lệch phát sinh do hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - Sai lệch phát sinh trong các trường hợp bất khả kháng do Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ.
 - f) Thực hiện kế toán quỹ hưu trí hoặc ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán quỹ hưu trí cá nhân theo quy định pháp luật;
 - g) Thực hiện quản trị tài khoản hưu trí cá nhân hoặc ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định pháp luật;
 - h) Chuyển tài khoản hưu trí cá nhân giữa các quỹ hưu trí quản lý bởi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và chuyển sang doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí khác theo quy định pháp luật;
 - i) Thực hiện công bố thông tin, hạch toán, kế toán và báo cáo theo quy định pháp luật;
 - j) Đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ (nếu có) theo quy định pháp luật;

Điều 31. Các trường hợp đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ

Công ty quản lý quỹ hưu trí có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Trường hợp công ty quản lý quỹ thực hiện đầu tư không đúng với quy định tại Nghị định 88/2016/NĐ-CP hoặc chính sách đầu tư của quỹ hưu trí quy định tại Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn quy định tại Điều 10 Điều lệ này. Sau khi hết thời hạn điều chỉnh danh mục

mà vẫn phát sinh thiệt hại thực tế cho người tham gia quỹ thì công ty quản lý quỹ phải đền bù cho người tham gia quỹ.

- b) Trường hợp công ty quản lý quỹ xác định sai giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí với mức sai lệch lớn hơn 0,75% giá trị tài sản ròng chính xác của quỹ và có phát sinh thiệt hại thực tế cho người tham gia quỹ.
- c) Trường hợp công ty quản lý quỹ phân bổ kết quả đầu tư sai dẫn đến việc xác định sai giá trị tài khoản hưu trí cá nhân, công ty quản lý quỹ phải thực hiện phân bổ điều chỉnh. Sau khi điều chỉnh mà vẫn phát sinh sai lệch giá trị tài khoản hưu trí cá nhân so với giá trị tài khoản hưu trí cá nhân chính xác và phát sinh thiệt hại thực tế cho người tham gia quỹ thì công ty quản lý quỹ phải đền bù cho người tham gia quỹ.

Điều 32. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí;
 - c) Công ty quản lý quỹ sáp nhập hoặc hợp nhất với một Công ty quản lý quỹ khác;
 - d) Quỹ bị giải thể;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác chấp thuận thay thế. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo Công ty quản lý quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.
3. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức lấy ý kiến người tham gia quỹ về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với quỹ.

Chương VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, TỔ CHỨC LƯU KÝ

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát:
 - a) Kiểm tra và giám sát doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và các tổ chức cung cấp dịch vụ về việc tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định pháp luật, điều lệ quỹ, hợp đồng tham gia chương trình hưu trí, hợp đồng cung cấp các dịch vụ liên quan;
 - b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, các giao dịch của quỹ hưu trí và tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định pháp luật và điều lệ quỹ hưu trí;
 - c) Định kỳ 06 tháng rà soát quy trình, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí; kiểm tra, giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí;
 - d) Định kỳ 06 tháng rà soát quy trình, phương pháp phân bổ kết quả đầu tư, xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân; kiểm tra, giám sát việc xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân; kiểm tra, giám sát việc xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân bằng cách định kỳ thẩm định bằng trả lời câu hỏi của tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân (tại thời điểm hiện tại là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam);
 - e) Lập và lưu trữ trong thời gian 10 năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của ngân hàng giám sát đối với hoạt động quản lý;
 - f) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định pháp luật.
2. Quyền của ngân hàng giám sát
 - a) Được nhận giá dịch vụ giám sát theo hợp đồng giám sát ký kết giữa doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí với ngân hàng giám sát;
 - b) Yêu cầu các tổ chức cung cấp dịch vụ lưu ký tài sản quỹ hưu trí, kế toán quỹ hưu trí, quản trị tài khoản hưu trí cá nhân cung cấp thông tin và tài liệu để ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ giám sát theo quy định pháp luật;

- c) Kiểm tra doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, tổ chức cung cấp các dịch vụ kế toán quỹ hưu trí và quản trị tài khoản hưu trí cá nhân về việc tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định pháp luật, điều lệ quỹ, hợp đồng tham gia quỹ hưu trí, hợp đồng cung cấp các dịch vụ về kế toán quỹ hưu trí và quản trị tài khoản hưu trí cá nhân.

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
2. Có cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng các nghĩa vụ của ngân hàng giám sát quy định tại Điều 33 của Điều lệ Quỹ;
3. Không là người có liên quan với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp.

Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán;
 - b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát;
 - c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - d) Theo quyết định của người tham gia quỹ;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Quyền, nghĩa vụ của Tổ chức lưu ký

1. Quyền của Tổ chức lưu ký: Tổ chức lưu ký có các quyền được quy định chi tiết theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ được ký kết với công ty quản lý quỹ, và các quyền khác theo quy định pháp luật.
2. Nghĩa vụ của Tổ chức lưu ký
 - a) Thực hiện lưu ký tài sản quỹ hưu trí theo hợp đồng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;
 - b) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán, chuyển giao tiền, chứng khoán theo yêu cầu của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;
 - c) Đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của quỹ, thực hiện các thủ tục thanh & quyết toán đối với tài sản của quỹ, tách biệt tài sản của quỹ hưu trí với tài sản của người sử dụng lao động, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, tổ chức lưu ký, ngân hàng giám sát và các quỹ hưu trí khác được quản lý bởi cùng một doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;
 - d) Cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, ngân hàng giám sát, các tổ chức cung cấp dịch vụ (nếu có) để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật và điều lệ quỹ.

Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn

Tổ chức lưu ký tài sản quỹ hưu trí phải đáp ứng các điều kiện sau

- a) Là ngân hàng lưu ký theo quy định của Luật chứng khoán hoặc là Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam;
- b) Không là người có liên quan với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp.

Điều 38. Chấm dứt hoạt động

Tổ chức lưu ký tài sản quỹ hưu trí chấm dứt hoạt động theo quy định tại điều 43 Điều lệ này.

Chương VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 39. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty quản lý quỹ được phép ủy quyền đối với các dịch vụ dưới đây:

1. Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

2. Dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân:

- Hạch toán thu chi toàn bộ hoạt động của tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm đóng góp, phân bổ kết quả đầu tư, chi phí hoạt động quỹ hưu trí; chi trả hưu trí;
- Xây dựng và cập nhật quy trình, phương pháp phân bổ kết quả đầu tư và chi phí hoạt động quỹ hưu trí; xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân;
- Xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân hàng tháng;
- Lập và gửi người tham gia quỹ báo cáo giá trị tài khoản hưu trí cá nhân hàng tháng theo quy định pháp luật.
- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của người tham gia quỹ; xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ hưu trí;
- Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số đơn vị quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ đơn vị quỹ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có
- Ghi nhận các lệnh giao dịch của người tham gia quỹ; chuyển quyền sở hữu đơn vị quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ người tham gia quỹ thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu đơn vị quỹ của người tham gia quỹ;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

Điều 40. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

Tổ chức được công ty Quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo luật định.

Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các qui định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mà mình làm.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

- a. Đối với dịch vụ quản trị

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

b. Đối với dịch vụ Đại lý quản trị tài khoản cá nhân:

- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của người tham gia quỹ; xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ hưu trí;
- Ghi nhận các lệnh giao dịch của người tham gia quỹ; chuyển quyền sở hữu đơn vị quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ người tham gia quỹ thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu đơn vị quỹ của người tham gia quỹ;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu:

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm bảo sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới người tham gia quỹ và đối tác của công ty quản lý quỹ;
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ.

Điều 42. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với quỹ;
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền, bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;
3. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;
4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
5. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
6. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
7. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền;

Điều 43. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được công ty quản lý quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình ;
 - b. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
 - c. Theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ;

- d. Quỹ bị giải thể;
 - e. Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - f. Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi Tổ chức khác.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với công ty quản lý quỹ. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai Tổ chức có xác nhận của Công ty quản lý quỹ.

Chương IX

ĐẠI LÝ HƯU TRÍ

Điều 44. Điều kiện lựa chọn Đại lý hưu trí

Là doanh nghiệp được phép hoạt động một trong các lĩnh vực sau: Ngân hàng, đại lý bảo hiểm, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

Điều 45. Hoạt động của đại lý hưu trí

Hoạt động của đại lý hưu trí bao gồm:

- a) Giới thiệu về quỹ hưu trí;
- b) Ký hợp đồng tham gia quỹ hưu trí với người tham gia quỹ và người sử dụng lao động.
- c) Tổng hợp đầy đủ thông tin về người tham gia quỹ và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
- d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với người tham gia quỹ, đảm bảo cập nhật cho người tham gia quỹ một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của người tham gia quỹ về các quỹ; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của người tham gia quỹ; cung cấp cho người tham gia quỹ bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các lần lấy ý kiến người tham gia quỹ, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ;
- e) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về người tham gia quỹ và các giao dịch của người tham gia quỹ. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

Chương X

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 46. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán trong Chương trình hưu trí để sử dụng cho suốt quá trình hoạt động của quỹ. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện chọn một công ty kiểm toán trong các công ty kiểm toán đã đề xuất để tiến hành kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- (i) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp.
- (ii) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
- (iii) Được Bộ Tài chính cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư
- (iv) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát.

Trường hợp đề nghị thay đổi công ty kiểm toán, công ty quản lý quỹ sẽ thông báo người tham gia quỹ.

Điều 47. Năm tài chính

1. Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.
2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 48. Chế độ kế toán

Quý sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quý do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 49. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quý và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quý.
2. Báo cáo tài chính hàng năm sẽ được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quý phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử (website) của công ty quản lý quỹ để người tham gia quỹ có thể tham khảo.

Điều 50. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quý.

Chương XI

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 51. Xác định giá trị tài sản ròng của Quý

1. Công ty quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trên cơ sở giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quý.
2. Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quý, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc do Tổ chức được công ty quản lý quỹ ủy quyền lập và phải có xác nhận của ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ này. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
3. Giá trị tài sản ròng của Quý phải được xác định định kỳ và phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý hưu trí và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi có xác nhận của ngân hàng giám sát, tổ chức lưu ký và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.
4. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
5. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quý chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quý

1. Ngày định giá:

Giá trị tài sản ròng của Quý được xác định tương ứng với tần suất giao dịch của quỹ.

2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quý bằng tổng giá trị các tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ.

Tổng giá trị tài sản của Quý được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản, Tổng nợ phải trả của Quý là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quý tính đến ngày trước ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Giá trị tài sản ròng của Quý (NAV) = Tổng tài sản có của Quý - Tổng nợ phải trả của Quý

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (NAV/ccq) bằng giá trị tài sản ròng của Quý chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước ngày định giá, và được lấy đến 2 chữ số thập phân.

Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền trong các tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		
3.	Trái phiếu niêm yết	<p>- Giá yết bình quân gia quyền cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc ▪ Chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán với giá có nhiều biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá ▪ thì giá trái phiếu thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện Quý phê duyệt
Chứng chỉ quỹ		
4.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	<p>- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quý chấp thuận.
5.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá của Quý.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương;
- Các phương thức định giá được chi tiết tại Sổ tay định giá.

Tổng nợ phải trả của Quý là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quý tính đến ngày trước ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Chương XII

THU NHẬP VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 53. Thu nhập của quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi.
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của quỹ.
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

Quỹ không phân phối lợi nhuận hàng năm.

Chương XIII

GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 55. Các loại phí, giá dịch vụ do người tham gia quỹ trả

1. Giá dịch vụ tham gia đóng góp vào Quỹ hưu trí

- Là giá dịch vụ mà Người tham gia quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi tham gia đóng góp vào Quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi tham gia đóng góp và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký tham gia đóng góp).
- Giá dịch vụ tham gia đóng góp bằng 1% giá trị khoản đóng góp. Giá dịch vụ bổ sung bằng 0.5% giá trị khoản đóng góp sẽ được áp dụng cho tất cả khoản đóng góp trong 10 (mười) năm đầu tiên tham gia Chương trình/Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện hoặc cho tới kỳ đóng góp tiếp theo sau khi số dư Tài khoản hưu trí cá nhân đạt mức 100 (một trăm) triệu đồng. Giá dịch vụ tham gia đóng góp và giá dịch vụ bổ sung sẽ được thu tại thời điểm đóng góp.
- Giá dịch vụ tham gia đóng góp Quỹ này được trừ vào tổng số tiền đăng ký tham gia đóng góp trước khi tính số lượng đơn vị quỹ được phân phối.
- Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ tham gia đóng góp vào Quỹ trong một khoản thời gian cố định, Công ty quản lý quỹ sẽ có thông tin cụ thể và thông báo Người tham gia quỹ và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các Đại lý hưu trí hoặc theo quy định pháp luật.
- Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Giá dịch vụ khi Người tham gia quỹ đăng ký nhận chi trả từ Tài khoản hưu trí cá nhân

- Là giá dịch vụ mà Người tham gia quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi đăng ký nhận chi trả từ Tài khoản hưu trí cá nhân tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ này được tính trên giá trị giao dịch (số tiền nhận chi trả) và được khấu trừ trước khi Quỹ thanh toán cho Người tham gia quỹ.
- Giá dịch vụ nhận chi trả từ Quỹ là 0.3% giá trị giao dịch.
- Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ khi nhận chi trả trong một khoản thời gian cố định, Công ty quản lý quỹ sẽ có thông tin cụ thể và thông báo Người tham gia quỹ và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các Đại lý hưu trí hoặc theo quy định pháp luật.
- Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

3. Giá dịch vụ chuyển đổi giữa các quỹ hưu trí do Công ty quản lý quỹ quản lý

- Người tham gia quỹ phải trả giá dịch vụ chuyển đổi quỹ cho Tổ chức cung cấp dịch vụ QTTKHTCN khi Người tham gia quỹ đăng ký giao dịch chuyển đổi đơn vị quỹ giữa các quỹ hưu trí do Công ty quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch.

- Giá dịch vụ chuyển đổi sang các Quỹ hưu trí theo độ tuổi được khuyến nghị trong chương trình là miễn phí. Cho các trường hợp chuyển đổi khác, giá dịch vụ là 0.3% giá trị giao dịch.
- Người tham gia quỹ không phải trả giá dịch vụ tham gia đóng góp vào Quỹ và giá dịch vụ nhận chi trả khi thực hiện chuyển đổi quỹ.
- Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 60 (sáu mươi) kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

Điều 56. Các loại phí, giá dịch vụ do Quỹ trả

1. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ

- Là chi phí được trả cho Công ty quản lý quỹ DCVFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho các Quỹ thuộc Chương trình hưu trí.
- Giá dịch vụ quản lý tài sản cho các quỹ thuộc Chương trình hưu trí như sau:

Quỹ Thịnh An	Quỹ Phúc An	Quỹ Vĩnh An
1.5% NAV/năm	1.3% NAV/năm	1.1% NAV/năm

- Các mức giá dịch vụ trên là mức giá tối đa. Mức giá dịch vụ cụ thể sẽ được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý Quỹ hưu trí;
- Công ty quản lý quỹ DCVFM không thu phí quản lý đối với phần tài sản mà Quỹ hưu trí đầu tư vào các Quỹ khác do Công ty quản lý quỹ DCVFM quản lý;
- Công ty quản lý quỹ DCVFM có trách nhiệm thông báo mức giá dịch vụ áp dụng khi có sự thay đổi với Ngân hàng giám sát, đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch định kỳ gần nhất của Quỹ;
- Chi phí trả hàng tháng là tổng chi phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;
- Công thức tính chi phí quản lý Quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
Chi phí quản lý Quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì chi phí quản lý được xác định như sau:

Chi phí quản lý trong tháng = [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + chi phí quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

2. Giá dịch vụ Giám sát

- Là chi phí được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát cho Quỹ. Chi phí này được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng.
- Giá dịch vụ giám sát :

	Từ 0 đến 36 tháng	Từ tháng 37 đến tháng 61	Từ tháng 62 trở đi
Giá dịch vụ	Miễn phí	0.02% NAV/năm	0.02% NAV/năm
Giá dịch vụ tối thiểu (chưa bao gồm VAT nếu có)	Miễn phí	11,500,000/tháng	16,500,000/tháng

- Chi phí trả hàng tháng là tổng chi phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính chi phí giám sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Chi phí giám sát (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì chi phí giám sát được xác định như sau:

Chi phí giám sát (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + chi phí giám sát của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

3. Giá dịch vụ lưu ký và quản trị Quỹ

- Là chi phí do các Quỹ thuộc Chương trình hưu trí trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ lưu ký và quản trị quỹ cho Quỹ.

- Giá dịch vụ quản trị Quỹ:

	Từ 0 đến 36 tháng	Từ tháng 37 đến tháng 61	Từ tháng 62 trở đi
Giá dịch vụ	Miễn phí	0.03% NAV/năm	0.04% NAV/năm
Giá dịch vụ tối thiểu (chưa bao gồm VAT nếu có)	Miễn phí	11,500,000/tháng	23,500,000/tháng

- Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho Quỹ theo nghị định 88/2016/ND-CP và Thông tư 86/2017/TT-BTC:

	Từ 0 đến 36 tháng	Từ tháng 37 đến tháng 61	Từ tháng 62 trở đi
Giá dịch vụ	Miễn phí	48,000,000/năm Tương đương 4,000,000/tháng	70,500,000/năm Tương đương 5,875,000/tháng

- Giá dịch vụ lưu ký:

	Từ 0 đến 36 tháng	Từ tháng 37 trở đi
Giá dịch vụ	Miễn phí	NAV < 600 tỷ: 0.06% NAV/năm
		600 tỷ < NAV < 1000 tỷ: 0.05% NAV/năm
		1000 tỷ < NAV: 0.04% NAV/năm
Giá dịch vụ tối thiểu (chưa bao gồm VAT nếu có)	Miễn phí	11,500,000/tháng

Giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, v.v....

- Chi phí dịch vụ trả hàng tháng là tổng chi phí dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;
- Công thức tính chi phí lập báo cáo tài chính cho Quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
Chi phí lập báo cáo tài chính Quỹ cho kỳ định giá = Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính Quỹ / số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá
- Công thức tính chi phí lưu ký, quản trị Quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Chi phí lưu ký, quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì chi phí lưu ký, quản trị quỹ được xác định như sau:

Chi phí lưu ký, quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Chi phí lưu ký, quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ

4. Giá dịch vụ Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân:

- Giá dịch vụ Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân là chi phí do Quỹ Thịnh An, Quỹ Phúc An và Quỹ Vĩnh An chi trả hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân cho Quỹ. Giá dịch vụ Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm:

- Giá dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân được trả hàng tháng:

Loại tiền dịch vụ		Mức tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)
Tiền cố định hàng tháng	Dưới 30,000 tài khoản	15 triệu/tháng
	Từ 30.000 đến 50.000 tài khoản	20 triệu/tháng
	Trên 50.000 tài khoản	25 triệu/tháng

Công thức tính chi phí Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau :

Chi phí Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân cho kỳ định giá = Giá dịch vụ phí Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân áp dụng theo số lượng tài khoản/ số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá

- Các chi phí này sẽ được tổng hợp và trả hàng tháng.
- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân.
- Các loại giá dịch vụ trên đều chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 57. Chi phí hoạt động của quỹ

Là các chi phí sau thuế do Quỹ hưu trí chi trả, bao gồm:

1. Chi phí quản lý tài sản phải trả cho Công ty quản lý Quỹ;
2. Chi phí giám sát trả cho Ngân hàng giám sát;
3. Chi phí dịch vụ lưu ký, quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý quản trị tài khoản hưu trí cá nhân và chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
4. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
5. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
6. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho người tham gia quỹ; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức lấy ý kiến người tham gia quỹ;
7. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ;
8. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
9. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của người tham gia quỹ;
10. Chi phí bảo hiểm (nếu có);
11. Thù lao Ban Đại diện Quỹ

12. Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);
13. Thuế, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
14. Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật;
15. Các chi phí hợp lý và hợp lệ được Ban Đại diện Quỹ quyết định và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 58. Nguyên tắc phân bổ chi phí hoạt động của quỹ hưu trí cho từng tài khoản hưu trí cá nhân

1. Việc phân bổ chi phí hoạt động và kết quả đầu tư đến từng tài khoản hưu trí cá nhân được dựa trên số liệu báo cáo hàng tháng đã được Ngân hàng giám sát xác nhận và số lượng đơn vị quỹ sở hữu tương ứng đến thời điểm lập báo cáo.
2. Bảo đảm thống nhất về phương pháp phân bổ và cách trình bày báo cáo phân bổ chi phí hoạt động và kết quả đầu tư cho từng tài khoản hưu trí cá nhân.
3. Các thông tin trong báo cáo phân bổ phải trình bày dễ hiểu, đầy đủ, chính xác về số liệu.
4. Chi phí dùng để phân bổ bao gồm: chi phí đầu tư (chi phí môi giới của các giao dịch mua bán chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký...) và chi phí hoạt động của Quỹ đã được liệt kê chi tiết trong Điều 57 của Điều lệ này.
5. Kết quả đầu tư của Quỹ bao gồm: lãi/lỗ chưa thực hiện và lãi/lỗ đã thực hiện của Quỹ.

Chương XIV

TÁI CƠ CẤU QUỸ

Điều 59. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty quản lý quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - b. Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XV

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 60. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải:
 - (i) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý;
 - (ii) Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

Chương XVI

QUY CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 61. Quy chế giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp liên quan đến việc tham gia đóng góp vào quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện, nhận chi trả từ quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện hoặc liên quan đến hoạt động của quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện, nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa công ty quản lý quỹ (thay mặt quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện) và người tham gia quỹ, sẽ được đưa ra tòa án nơi công ty quản lý quỹ có trụ sở chính để giải quyết. Án phí do bên thua kiện chịu. Thời hiệu khởi kiện là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

Chương XVII

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 62. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được công ty Quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Bản cáo bạch; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo hoạt động của quỹ hàng tháng, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho người tham gia quỹ trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho người tham gia quỹ.
3. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành quỹ nhận.
4. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 63. Thay đổi điều lệ

Công ty quản lý quỹ thông báo người tham gia quỹ về Điều lệ bổ sung và sửa đổi (nếu có).

Điều 64. Đăng ký điều lệ

1. Bản Điều lệ này bao gồm 17 Chương, 65 Điều do công ty quản lý quỹ soạn thảo, và sẽ có hiệu lực kể từ ngày Quỹ được phép hoạt động.

Điều lệ này được bổ sung, sửa đổi bao gồm 17 Chương, 65 Điều, được lấy ý kiến Người tham gia quỹ lần 1 năm 2021 thông qua ngày 24 tháng 08 năm 2021 và có hiệu lực vào ngày hiệu lực của Nghị quyết lấy ý kiến Người tham gia quỹ lần 1 năm 2021.

Điều lệ này được bổ sung, sửa đổi bao gồm 17 Chương, 65 Điều và có hiệu lực vào ngày 26/10/2021.

Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ thì mới có giá trị.

2. Điều lệ này được lập thành 06 bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:
 - 01 bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.
 - 02 bản lưu tại văn phòng của Quỹ đầu tư.
 - 01 bản lưu tại văn phòng của Công ty quản lý quỹ.
 - 01 bản lưu tại văn phòng của Ngân hàng giám sát.
 - 01 bản lưu tại văn phòng của Tổ chức cung cấp dịch vụ lưu ký

Điều 65. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi được Bộ Tài chính cho phép hoạt động. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Làm tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2021

CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM



BEAT SCHURCH
Tổng Giám đốc